

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:112/2018/HSST
Ngày: 29-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

**** Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- Thẩm phán chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Thu Hằng
- Thẩm phán: Ông Lương Tiến Phương
- Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Giàng Thị Yên
2. Bà: Điều Thị Thúy Hà
3. Bà: Kháng Mai Thu

**** Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:***

Bà: Vi Tổ Uyên - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Điện Biên.

**** Đại diện VKSND tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà:***

Bà Phạm Thị Chung - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Điện Biên, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 115/2018/HSST ngày 13 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2018/QĐXXST-HS ngày 15/11/2018 đối với các bị cáo:

1. Sùng A C (tên gọi khác: không); sinh năm 1987 tại huyện T, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản H, xã C, huyện T, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: nông nghiệp; trình độ văn hoá: học xong lớp xóa mù chữ; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Sùng Chừ V (sinh năm 1962) và bà Giàng Thị C (sinh năm 1963); có vợ là Lầu Thị S (sinh năm 1989) và 04 con, con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Chưa bị kết án

và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày: 14/9/2018 đến nay có mặt tại phiên toà.

2. Vàng Thị P (tên gọi khác: không); sinh năm 1980; tại huyện S, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản B, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: nông nghiệp; trình độ văn hoá: Không; dân tộc: Mông; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vàng Chờ C (đã chết) và bà Sùng Thị X (đã chết); bị cáo có chồng là Sòng A L (đã chết) và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/9/2018, đến nay có mặt tại phiên toà.

* **Người bào chữa cho bị cáo Sùng A C:** Ông Nguyễn Trần Dể - Luật sư, văn phòng Luật sư Trần Dể, đoàn Luật sư tỉnh Điện Biên (có mặt).

* **Người bào chữa cho bị cáo Vàng Thị P:** Bà Lê Thị Xuân - Luật sư, đoàn Luật sư tỉnh Điện Biên (có mặt).

* **Người phiên dịch tiếng Mông cho bị cáo P:** Bà Ly Thị Chí, dân tộc: Mông; Địa chỉ: Tổ 6, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 11/9/2018, Sùng A C chở Vàng Thị P bằng xe máy sang nhà Giàng A T ở xã P, huyện T, tỉnh Điện Biên chơi và ăn cơm. Tại đây, T và C đã trao đổi việc mua bán Methamphetamine qua điện thoại với một người phụ nữ tên L. Sau khi ăn cơm xong, C chở P đi xuống thị trấn huyện T, trên đường đi C nói với P về việc L đặt mua Methamphetamine và nói với P nếu biết chỗ nào bán thì mua về bán. Khi đến huyện T, C trực tiếp gặp L tại một quán nước ở công bến xe khách, hai người đã trao đổi, thống nhất C sẽ bán ma túy cho L 01 túi Methamphetamine với giá là 06 triệu đồng, địa điểm giao nhận là tại Quốc lộ 6 cũ.

Ngày 12/9/2018, một người tên là K quốc tịch Lào gọi điện cho P (K là người quen của P), P liền hỏi K mua Methamphetamine, K nói ngày 13/9/2018 sẽ mang

Methamphetamine sang Việt Nam bán cho P. Sau đó C và P thống nhất P sẽ đi gặp K mua Methamphetamine mang về cho C bán, được lãi thì C sẽ chia tiền cho P, rồi C đưa cho P 04 triệu đồng để mua Methamphetamine.

Sáng ngày 13/9/2018, P đi từ nương ngô xuống gặp K ở ven đường, P đã mua của K 08 gói Methamphetamine với giá 2,5 triệu đồng/1 túi, P và K thỏa thuận: P trả trước cho K 04 triệu đồng, số tiền còn lại là 16 triệu đồng sau khi bán được Methamphetamine thì P sẽ trả nốt cho K. Sau khi mua được ma túy, P mang về đưa cho C, C mở ra kiểm tra thấy có 06 túi Methamphetamine được gói bằng nilon màu xanh và 02 túi Methamphetamine được gói bằng nilon màu hồng, bên trong có các viên hồng phiến. Kiểm tra xong, C gói số Methamphetamine lại và gọi điện cho L thông báo đã mua được 08 túi Methamphetamine, L hẹn C gặp nhau ở đèo **Pha Đin** để giao dịch. Gọi điện cho L xong, C treo 08 túi Methamphetamine ở tay lái xe máy và chờ P đi đến điểm hẹn để đưa Methamphetamine cho L. Khi gần đến nơi thì P xuống xe, đứng ở cạnh đường đợi còn C đi tiếp đến đến khu vực bản L, xã T, huyện T để giao Methamphetamine cho L thì bị tổ công tác Công an huyện T dừng xe, kiểm tra. Sùng A C đã để lại xe máy, mang theo số Methamphetamine bỏ chạy vào rừng; trong khi chạy, C vứt bọc nilon có 08 túi Methamphetamine lại và làm rơi 01 ví cá nhân trong đó có các giấy tờ tùy thân của C. Đến chiều ngày 14/9/2018, C và P đến công an huyện T khai báo về hành vi phạm tội của bản thân.

Tại biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng ngày 14/9/2018 đã xác định: Vật chứng thu giữ tại khu vực bản L, xã T có tổng khối lượng là 150,46 gam; trích mẫu giám định 1,6 gam, còn lại 148,86 gam.

Tại bản Kết luận giám định số 817/GĐ-PC09 ngày 29/9/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận:

- 08 (tám) mẫu viên nén màu hồng trích ra từ vật chứng thu giữ ngày 13/9/2018 **tại Tòa Tỉnh** gửi giám định là ma túy: Loại Methamphetamine

- Methamphetaminenằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 323, Mục IIC, Danh mục II, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018.

Tại bản Cáo trạng số 61/QĐ-VKS-P1 ngày 12/11/2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố bị cáo Sùng A C và Vàng Thị P về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251/BLHS.

Tại phiên tòa, các bị cáo C và P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, lời khai của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Trong phần tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Sùng A C và Vàng Thị P về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 BLHS xử phạt bị cáo Sùng A C 20 năm tù; áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s, điểm r khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 54 /BLHS xử phạt bị cáo Vàng Thị P 17 đến 18 năm tù; Áp dụng khoản 5 Điều 251/BLHS không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo và xử lý vật chứng theo quy định của Điều 47/BLHS, Điều 106/BLTTHS.

Người bào chữa cho bị cáo Sùng A C và bị cáo Vàng Thị P hoàn toàn nhất trí với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đối với các bị cáo về phần tội danh. Người bào chữa cho bị cáo Sùng A C đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm s, điểm r khoản 1 Điều 51, Điều 54/BLHS xử phạt bị cáo C mức án 18 đến 19 năm tù. Người bào chữa cho bị cáo Vàng Thị P đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm s, điểm r khoản 1 Điều 51; Điều 54/BLHS xử phạt bị cáo P mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt; đồng thời người bào chữa cho các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung và miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Các bị cáo Sùng A C và Vàng Thị P nhất trí với nội dung luận tội của Kiểm sát viên, không bổ sung gì lời bào chữa và không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bào chữa cho các bị cáo Sùng A C và bị cáo Vàng Thị P không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố

tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với toàn bộ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; Biên bản sự việc (BL 01); Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu (BL03), Biên bản kiểm tra (BL11); Biên bản khám nghiệm hiện trường (BL 12); Biên bản mở niêm phong và xác định khối lượng, niêm phong vật chứng (BL50); Kết luận giám định số 817/GĐ-PC09 ngày 29/9/2018 (BL 66) và bản Cáo trạng số 61/QĐ-VKS-P1 ngày 12/11/2018 của VKSND tỉnh Điện Biên.

[3] Xét về tính chất thì đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều vì mục đích lợi nhuận nên đã rủ nhau thực hiện hành vi mua bán ma túy, do đó khi xem xét, quyết định hình phạt đối với các bị cáo cần áp dụng quy định tại Điều 17, Điều 58/BLHS.

Xét thấy hành vi mua bán trái phép 150,46 gam Methamphetamine của các bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, an toàn xã hội. Với trọng lượng ma túy thu giữ thì hành vi của bị cáo C và bị cáo P đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự. Chính vì vậy, việc phát hiện và xử lý các bị cáo nghiêm khắc trước pháp luật là thực sự cần thiết, giúp cho các bị cáo thức tỉnh, làm lại cuộc đời mà còn là bài học cho những đối tượng đang có hành vi tương tự.

Bản Cáo trạng của VKSND tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; các bị cáo là người có đủ năng lực để chịu trách nhiệm và hình phạt đối với hành vi phạm tội của mình.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo thấy rằng:

Bị cáo Sùng A C và bị cáo Vàng Thị P đều chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS; xét thấy bị cáo P đã tự thú về hành vi phạm tội nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm r khoản 1 Điều 51/BLHS, bị cáo C đã đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51; các bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào.

[5] Theo quy định tại khoản 5 Điều 251/BLHS: Ngoài hình phạt chính, các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản; Tuy nhiên, căn cứ vào biên bản xác minh tài sản của cơ quan Điều tra và qua xét hỏi công khai các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm thấy rằng nguồn thu chủ yếu của các bị cáo từ làm ruộng, hoàn cảnh kinh tế khó khăn không có khả năng thi hành vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Xét thấy đề nghị của Người bào chữa cho bị cáo C về việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm r “người phạm tội tự thú” là không có căn cứ; còn đề nghị của người bào chữa cho bị cáo P về việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo là chính xác nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Quá trình điều tra và xét xử tại phiên tòa, bị cáo P khai mua ma túy của 01 người đàn ông người Lào, tên K nhưng không biết địa chỉ nên không thể xác minh, làm rõ.

Đối với Giàng A T và người phụ nữ tên là L theo lời khai của C đã cùng bàn bạc việc mua ma túy, cơ quan điều tra đã triệu tập Giàng A T lên làm việc và đối chất với C nhưng T không công nhận nên không đủ cơ sở chứng minh. Còn người tên L do không rõ họ tên, địa chỉ nên cơ quan Điều tra không thể điều tra, xử lý.

[8] Về vật chứng: Theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 47/BLHS và khoản 2 Điều 106/BLTTHS thấy rằng:

- Vật chứng của vụ án là: 08 (tám) gói hồng phiến = 150,46 gam (một trăm năm mươi phẩy bốn mươi sáu gam) đã trích 08 mẫu gửi giám định có khối lượng bằng 1,6 gam (một phẩy sáu gam). Tổng khối lượng còn lại trong gói niêm phong là 148,486 gam (một trăm bốn tám phẩy tám sáu gam) ma túy tổng hợp (Methamphetamine) cần bị tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu FPT màu tím than và 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu đen là phương tiện để các bị cáo liên lạc, thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu, hóa giá, sung quỹ nhà nước.

- Đối với 01 ví giả da màu vàng, đã cũ, rách nát, nhãn hiệu GUCCI bên trong có: 01 giấy phép lái xe, số: 140187006197, mang tên Sùng A C; 01 giấy chứng minh nhân dân số: 051045387, ngày cấp 10/4/2015 mang tên Sùng A C; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy số: 020136, biển kiểm soát: 26B2-122.84 mang tên

Sùng A C và số tiền 7.000đ (thu giữ tại hiện trường nơi xảy ra vụ việc); 01 giấy chứng nhận bảo hiểm mô tô xe máy số: 81235751, biển số: 26B2-122.84, mang tên Sùng A C là tài sản và giấy tờ cá nhân, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo Sùng A C .

- Xét thấy 01 túi vải màu đen đã cũ và số tiền 2.030.000đ tạm giữ của Vàng Thị P, không liên quan đến hành vi phạm tội nên HĐXX trả lại cho bị cáo Vàng Thị P.

- Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS màu sơn đen - đỏ - trắng biển kiểm soát 26C1-076.16 qua xác minh cho thấy chủ xe là Sùng Thị T, địa chỉ: bản B, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La; Cơ quan điều tra đã nhiều lần triệu tập lên làm việc nhưng do chị T vắng mặt nên chưa có cơ sở để xử lý, hiện chiếc xe vẫn đang do Cơ quan điều tra tạm giữ và sẽ xử lý sau.

[9] Về án phí: Xét thấy, các bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 thì các bị cáo không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58/BLHS đối với bị cáo Sùng A C;

* Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s, điểm r khoản 1 Điều 51; Điều 54, Điều 17, Điều 58/BLHS đối với bị cáo Vàng Thị P;

1. Tuyên bố: các bị cáo Sùng A C và Vàng Thị P phạm tội: "*Mua bán trái phép chất ma túy*".

2. Hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Sùng A C 20 năm (Hai mươi năm) tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt (14/9/2018).

- Xử phạt bị cáo Vàng Thị P 19 năm (Mười chín năm) tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt (14/9/2018).

3. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47/BLHS và Điều 106/BLTTHS 2015:

- Tịch thu, tiêu huỷ: 01 (một) phong bì niêm phong vật chứng, xung quanh phong bì niêm phong dán lớp băng dính trong suốt, mặt trước phong bì niêm phong có ghi chữ viết tay: Vật chứng vụ án: Sùng A C sinh năm 1987, trú tại bản H, xã C, huyện T, tỉnh Sơn La + Vàng Thị P sinh năm 1980, trú tại bản B, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La. Hành vi: Mua bán trái phép chất ma túy bị Công an huyện T phát hiện; thu giữ hồi 19 giờ 10 phút ngày 13/9/2018 tại khu vực bản L, xã T, huyện T, tỉnh Điện Biên. Tổng khối lượng của 08 (tám) gói hồng phiến = 150,46 gam (một trăm năm mươi phẩy bốn mươi sáu gam) đã trích 08 mẫu gửi giám định có khối lượng bằng 1,6 gam (một phẩy sáu gam). Tổng khối lượng còn lại trong gói niêm phong là 148,486 gam (một trăm bốn tám phẩy tám sáu gam) ma túy tổng hợp (Methamphetamine). Mặt sau phong bì niêm phong tại các mép dán có chữ ký ghi rõ họ tên của: Giàng A T, Nguyễn Hữu Đ, Phạm Thị C, Lầu A T, Lường Văn H, Sùng A C, điểm chỉ dấu vân tay ngón trỏ phải của Vàng Thị P và hình dấu niêm phong đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên.

- Tịch thu, hóa giá, sung quỹ nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu FPT màu tím than, đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết máy bên trong và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu đen, đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết máy bên trong.

- Trả lại cho bị cáo Sùng A C: 01 ví giả da màu vàng, đã cũ, rách nát, nhãn hiệu GUCCI; 01 giấy phép lái xe, số: 140187006197, mang tên Sùng A C; 01 giấy chứng minh nhân dân số: 051045387, ngày cấp 10/4/2015 mang tên Sùng A C; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy số: 020136, biển kiểm soát: 26B2-122.84 mang tên Sùng A C; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm mô tô xe máy số: 81235751, biển số: 26B2-122.84, mang tên Sùng A C và số tiền 7.000đ.

- Trả lại cho bị cáo Vàng Thị P 01 túi vải màu đen đã cũ và số tiền 2.030.000đ.

(Vật chứng đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên chuyển cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên vào ngày 13/11/2018).

4. Án phí: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/11/2018).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên;
- Trại tạm giam;
- Cục T.H.A dân sự tỉnh Điện Biên;
- Phòng HCTP, Sở Tư pháp;
- Các bị cáo; Người bào chữa;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thu Hằng